



## BÁO CÁO

# KINH TẾ VĨ MÔ

## Tháng 11/2020

## VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

❖ **Kinh tế thế giới** tháng 11 vẫn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt có sự trái ngược rõ nét giữa các nước khu vực Đông Á với phần còn lại của thế giới. Trong khi các nước Đông Á (Trung Quốc, Việt Nam, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản,...) đã kiểm soát tốt dịch bệnh và từng bước hồi phục vững chắc sau khi kiểm soát dịch bệnh và thì tại các nước/khu vực khác (như châu Âu, Mỹ, Ấn Độ...), tình hình dịch bệnh vẫn hết sức phức tạp, khó lường, số ca lây nhiễm và tử vong do dịch bệnh vẫn tăng lên nhanh chóng, buộc các nước này phải tập trung nguồn lực đối phó với việc Covid-19 tái bùng phát; hệ quả là ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng hồi phục kinh tế tại các nước/khu vực này.

❖ **Ở trong nước**, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng phục hồi: hoạt động bán lẻ hàng hóa và dịch vụ phục hồi nhờ cầu tiêu dùng hàng hóa trong nước tiếp tục tăng khá trong mùa mua sắm cuối năm; sản xuất công nghiệp tiếp tục đà tăng; thặng dư thương mại lập kỷ lục mới; đầu tư công tiếp tục là điểm sáng; tỷ giá ổn định, lãi suất duy trì ở mức thấp; thị trường chứng khoán (TTCK) vẫn trong xu hướng phục hồi, lên mức cao nhất trong 11 tháng đầu năm; và hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả tích cực.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều khó khăn: tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp trên toàn thế giới; thu hút FDI chậm cải thiện, thâm hụt NSNN và nợ công ở mức cao, hoạt động doanh nghiệp dù có khởi sắc song vẫn gặp nhiều khó khăn, tín dụng vẫn tăng chậm chủ yếu do sức cầu yếu và nợ xấu tại các NHTM có xu hướng tăng...v.v.

**Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế Việt Nam 11 tháng đầu năm 2018-2020, dự báo năm 2020-2021**

Các chỉ tiêu	TH 11T/2018	TH 11T/2019	TH 11T/2020	DB 2020	DB 2021
Tăng trưởng GDP (% , yoy)	6,96 (9T)	7,04 (9T)	2,12 (9T)	2,6-2,8	6,5-7
CPI bình quân (% , yoy)	3,59	2,57	3,51	3,4-3,5	3,6-3,9
Chỉ số SXCN - IIP (% , yoy)	10,1	9,3	3,1	3,5-4	8-9
Bán lẻ hàng hóa và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)	4.000 (+11,5%)	4.482 (+11,8%)	4.591 (+2%)	5.090 (+3%)	5.445 (+7%)
Xuất khẩu (tỷ USD)	222,9 (+14,1%)	241,74 (+8,5%)	254,6 (+5,3%)	275-277 (+4→5%)	280-285 (+5→7%)
Nhập khẩu (tỷ USD)	215,62 (+11,8%)	230,98 (+7,1%)	234,5 (+1,5%)	256-258 (+1→2%)	263-267 (+4→6%)
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7,28	10,76	20,1	18-20	10-15
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD)	30,8 (-6,8%)	31,8 (+3,1%)	26,4 (-16,9%)	31-32 (-15%)	37-38,5 (+15-20%)
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD)	15,8 (+3,1%)	17,6 (+6,8%)	17,2 (-2,3%)	19-20 (-3%)	21-22 (+5%)
Tăng trưởng tín dụng (%)	12,3	11,0	7,4 (20/11)	9-9,5	10-12
Biến động tỷ giá thị trường (VND/USD so đầu năm, %)	-2,74	-0,09	0,12	0→-0,2	-1→-1,5
Số DN thành lập mới	121,2 (+4,5%)	126,7 (+4,5%)	124,3 (-1,9%)	136 (-1,5%)	146,5 (+7,7%)
Số DN quay trở lại hoạt động	31,9 (+30,9%)	36,9 (+15,7%)	40,8 (+10,7%)	46 (+16,8%)	49,3 (+7,1%)
Số DN tạm ngừng hoạt động	26 (+24,8%)	27,8 (+7,1%)	44,4 (+59,7%)	46 (+60%)	36,8 (-20%)
Số DN hoàn tất giải thể	14,9 (+37,4%)	15 (+0,8%)	15,4 (+3,1%)	17,2 (+2%)	17,2 (-)

\* Số liệu xuất nhập khẩu và cán cân thương mại 11 tháng năm 2020 cập nhật từ TCTK

Số doanh nghiệp: đơn vị nghìn doanh nghiệp

Nguồn: Tổng hợp từ TCTK, TCHQ, Bộ KHĐT và Dự báo của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV.

**BỐI CẢNH QUỐC TẾ**

***Kinh tế Mỹ - đà hồi phục bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 bùng phát trở lại và bàn giao nhiệm kỳ Tổng thống Mỹ còn giằng co***

Đà hồi phục kinh tế của Mỹ chững lại do số ca nhiễm Covid-19 gia tăng và cuộc bầu cử Tổng thống chưa có kết quả chính thức. Kinh tế Mỹ có dấu hiệu phục hồi rõ nét nhất trong quý III vừa qua khi GDP quý III chỉ suy giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước, tích cực hơn nhiều so với mức giảm 9% so với cùng kỳ năm trước của quý II; tuy nhiên, theo Cục phân tích kinh tế Mỹ (22/11/2020), GDP Mỹ quý IV được dự báo tăng chậm lại và sẽ đạt mức tăng trưởng khoảng 1% so với cùng kỳ năm trước.

Từ đầu tháng 10 đến nay, làn sóng dịch Covid-19 mới và sự bất ổn chính trị Mỹ trong tháng 11 là nguyên nhân chính tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế Mỹ. Sau 5 tuần theo xu hướng giảm, số đơn đăng ký thất nghiệp lần đầu hàng tuần đã tăng trở lại trong tháng 11, từ 711 nghìn đơn (tuần từ 1-7/11/2020) lên 778 nghìn đơn (tuần từ 15-22/11/2020). Chỉ số niềm tin người tiêu dùng tháng 11 đạt 76,9 điểm, giảm 5 điểm so với tháng 10. Trong khi đó, thâm hụt ngân sách của Mỹ đạt mức kỷ lục 284,1 tỷ USD riêng trong tháng 10/2020 - cao gấp đôi so với mức thâm hụt cùng kỳ năm 2019; nguyên nhân chủ yếu do giảm sút nguồn thu và tăng chi tiêu để phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Lũy kế đến hết tháng 10/2020, thâm hụt ngân sách của Mỹ ở mức 3.384 tỷ USD, cao hơn gấp đôi so với mức 1.400 tỷ USD cả năm 2019.

Về triển vọng phục hồi kinh tế Mỹ trong thời gian tới, các tổ chức quốc tế nhận định, Mỹ cần sớm ổn định tình hình chính trị và kiểm soát được dịch bệnh để lấy lại đà hồi phục kinh tế. Đến nay, các tổ chức quốc tế vẫn giữ nguyên dự báo kinh tế Mỹ như tại các báo cáo hồi tháng 10; trong đó, IMF (10/2020) dự báo kinh tế Mỹ suy giảm 4,3% năm 2020 nhưng phục hồi khá vào năm 2021 (+3,1%).

***Kinh tế khu vực châu Âu vẫn khó khăn và dự báo suy giảm mạnh trong năm 2020***

Trong tháng 11, các đợt bùng phát dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế khu vực trong quý IV nói riêng và cả năm nói chung. Các biện pháp tài khóa hỗ trợ phục hồi nền kinh tế bước đầu giúp cho kinh tế khu vực kìm hãm tốc độ suy giảm nhưng chưa thể giúp kinh tế khu vực phục hồi nhanh. Kinh tế khu vực EU được dự báo sẽ giảm 2,2% (so với quý trước) trong quý IV, sau khi tăng mạnh 12,6% (so với quý trước) trong quý III. Dịch vụ du lịch - khách sạn - nhà hàng là những ngành chịu tác động tiêu cực nhất tại tất cả các nước trong khu vực. Chỉ số PMI dịch vụ liên tục suy giảm từ tháng 6 đến nay; đến tháng 11 chỉ ở mức 41,3 điểm, thấp hơn 5,6 điểm so với tháng trước. Tương tự, chỉ số PMI sản xuất cũng cho thấy sự chững lại so với 6 tháng trước đó, tháng 11 đạt 53,6 điểm, giảm 1,2 điểm so với tháng 10.

Triển vọng kinh tế châu Âu năm 2020 và cả năm 2021 vẫn kém khả quan, chủ yếu do dịch bệnh vẫn phức tạp, chưa kiểm soát khiến tâm lý doanh nghiệp và người dân giảm mạnh. Theo các tổ chức quốc tế như OECD, ECB... đánh giá, các biện pháp tài khóa và tiền tệ đã và đang áp dụng tại khu vực trong thời gian qua sẽ phát huy hiệu quả và giúp kinh tế khu vực hồi phục trong thời gian tới. Theo đó, IMF (tháng 10) dự báo kinh tế khu vực EU giảm sâu 8,3% trong năm 2020 và hồi phục +5,2% trong năm 2021. Trong khi đó, Ủy ban Châu Âu (EC) (tháng 11/2020) dự báo kinh tế khu vực phục hồi 5,3% trong năm 2021 và sẽ tăng trưởng 2,9% trong năm 2022.

***Kinh tế Trung Quốc - đà phục hồi được duy trì khá vững chắc***

Theo Cục thống kê Trung Quốc (27/11/2020), kinh tế Trung Quốc duy trì được đà hồi phục vững chắc từ tháng 3 đến nay. Các chỉ số kinh tế trong quý III và tháng 10 cho thấy động lực tăng trưởng kinh tế vẫn còn mạnh mẽ. Tăng trưởng GDP quý III đạt 4,9% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn nhiều so với mức tăng 3,2% trong quý II. Cùng với sự phục hồi chắc chắn của nền kinh tế trong cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ từ đầu tháng 10, tăng trưởng GDP quý IV được dự báo đạt 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số PMI sản xuất tháng 10 tăng lên mức 53,6 điểm; PMI dịch vụ tháng 10 đạt 56,8 điểm. Kết quả tích cực này đạt được

**BỐI CẢNH QUỐC TẾ**

nhờ các chính sách kiểm soát dịch bệnh và các biện pháp thúc đẩy phục hồi kinh tế hiệu quả của Trung Quốc. Trong đó, Trung Quốc tập trung cho chi tiêu công và đầu tư công vào phát triển cơ sở hạ tầng, kích cầu tiêu dùng nội địa thông qua giảm lãi suất cơ bản, mọi doanh nghiệp đều được chính phủ hỗ trợ, xuất khẩu tăng tích cực,...v.v.

Về triển vọng kinh tế Trung Quốc, theo dự báo của IMF (10/2020), Trung Quốc có thể đạt mức tăng trưởng 1,85% trong năm 2020 và 8,24% trong năm 2021 (một số chuyên gia quốc tế dự báo kinh tế Trung Quốc tăng trưởng khoảng 7,9-8,1% năm 2021). Các chuyên gia kinh tế trong nước của Trung Quốc dự báo lạc quan hơn với mức tăng 2,3% trong năm 2020 và 9% trong năm 2021. Trong năm 2021, tiêu dùng cá nhân vẫn sẽ là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong bối cảnh dịch bệnh được kiểm soát tốt ở trong nước; nhưng rủi ro lớn kìm hãm đà phục hồi nhanh của Trung Quốc đến từ khả năng phục hồi sau dịch Covid-19 của các đối tác kinh tế lớn của Trung Quốc (như Mỹ, châu Âu....) và triển vọng giải quyết căng thẳng thương mại, công nghệ giữa hai nước Mỹ - Trung vẫn chưa rõ nét.

# TÌNH HÌNH KINH TẾ TRONG NƯỚC 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

## 1. Tám (8) điểm sáng

Kinh tế Việt Nam duy trì xu hướng phục hồi, thể hiện ở **8 điểm tích cực**:

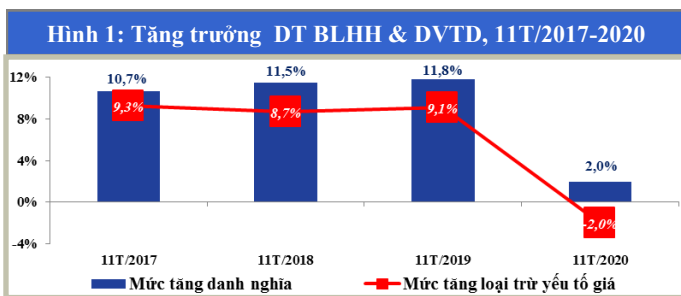
**Hoạt động bán lẻ hàng hóa và dịch vụ phục hồi, nhờ cầu tiêu dùng hàng hóa trong nước tăng khá trong mùa mua sắm cuối năm**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2020 ước đạt 464,4 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 13,2% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do các địa phương, DN triển khai tốt các chương trình kích cầu tiêu dùng và trong nước vẫn đang kiểm soát tốt dịch bệnh. Lũy kế 11 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4.590,7 nghìn tỷ đồng, tăng **2%** (tuy nhiên, nếu loại trừ yếu tố giá, vẫn giảm -2%) so với cùng kỳ năm trước, do sự sụt giảm trong nửa đầu năm 2020 gây ra bởi dịch Covid-19.

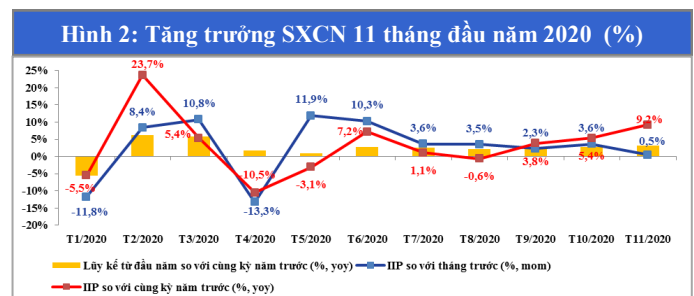
Doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 tuy tăng nhẹ so với tháng trước, nhưng doanh thu lũy kế 11 tháng vẫn giảm sâu so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống (chiếm 10% tổng mức) 11 tháng ước đạt 461,2 nghìn tỷ đồng, giảm -13,7%; doanh thu du lịch lữ hành (chiếm 0,4% tổng mức) ước đạt 16,6 nghìn tỷ đồng, giảm mạnh -58,6% (năm 2019, hai chỉ số này tăng lần lượt 9,6% và 9,9%), do Việt Nam tiếp tục dừng các đường bay quốc tế khi dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp ở nhiều nước và du lịch nội địa vẫn còn nhiều khó khăn do cả người tiêu dùng lẫn DN đều giám sát thu nhập/doanh thu do ảnh hưởng của Covid-19.

Dự kiến cả năm 2020, doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sẽ tăng **3%** so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá sẽ giảm khoảng 1%) do nhu cầu tiêu dùng hàng hóa sẽ tiếp tục đà tăng vào cuối năm, trong bối cảnh dịch bệnh tiếp tục được kiểm soát tốt và các DN tiếp tục các chương trình kích cầu cuối năm.

Trong năm 2021, khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt trên phạm vi toàn cầu và Việt Nam; tâm lý người dân ổn định và phục hồi; thu nhập của người dân tăng lên; dự báo bán lẻ sẽ phục hồi tốt hơn, đặc biệt là một số lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề trong năm 2020 như hàng không, du lịch... dự báo sẽ bật tăng trở lại, sớm phục hồi dần và đạt mức như trước dịch bệnh.



Nguồn: TCTK.



Nguồn: TCTK.

**Sản xuất công nghiệp phục hồi rõ nét hơn khi việc làm lần đầu tiên tăng trong 11 tháng**

Trong bối cảnh dịch Covid-19 được kiểm soát tốt ở trong nước, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ 1/8/2020 đã tạo thêm động lực cho hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục đà phục hồi. Chỉ số SXCN (IIP) tháng 11/2020 ước tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng mạnh +11,9%. Lũy kế 11 tháng, chỉ số IIP tăng **3,1%** so với cùng kỳ năm trước (thấp hơn mức tăng 9,3% cùng kỳ năm 2019). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 4,7%, đóng góp 3,8 điểm % vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,2%, đóng góp 0,3 điểm %; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4%, đóng góp 0,1 điểm %; riêng ngành khai khoáng giảm 7,1%, làm giảm 1,1 điểm % trong mức tăng chung.

Một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất 11 tháng tăng khá so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 29,2%; sản xuất

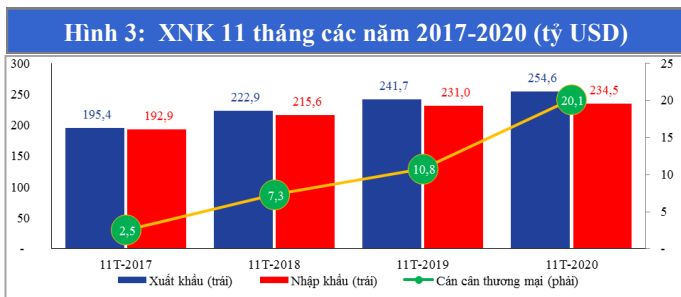
kim loại tăng 13,6%, khai thác quặng kim loại tăng 13,4%, sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế tăng 11,5%, sản xuất than cứng, than non tăng 7,8%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 10,2%; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 7,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 7,5%. Ngược lại, dịch vụ hỗ trợ, khai thác mỏ, quặng giảm -33,5%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 11,8%; sản xuất xe có động cơ giảm 8,9%; sản xuất mô tô, xe máy giảm 10,3%; sản xuất đồ uống giảm 5,5%; sản xuất trang phục giảm 4,5%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 2,5%.

Nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh ở trong nước, nhu cầu nội địa và xuất khẩu dần hồi phục, đơn đặt hàng tăng, khối lượng công việc tăng, đòi hỏi tăng nhân công. Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tại thời điểm 01/11/2020 tăng 1,1% so với cùng thời điểm năm trước. Tuy nhiên, vẫn còn khó khăn khi chi phí sản xuất tăng ở mức khá cao trong vòng hơn 2 năm qua do khan hiếm nguyên vật liệu.

Trong bối cảnh các thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, động lực chính cho ngành sản xuất công nghiệp trong thời gian tới là (i) Hiệp định EVFTA đã chính thức có hiệu lực từ 1/8/2020 sẽ giúp thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường này; (ii) Hiệp định RCEP đã được ký kết sẽ mở rộng khả năng xuất khẩu của các doanh nghiệp trong những năm tới, khi Hiệp định chính thức có hiệu lực; và (iii) đề xuất của Bộ Tài chính đề nghị Chính phủ sửa đổi Nghị định số 218/2013/NĐ-CP về ưu đãi thuế TNDN với sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

**Về triển vọng:** Với tình hình dịch bệnh được kiểm soát tốt tại Việt Nam và triển vọng vaccine được sản xuất và đưa vào sử dụng trên diện rộng trên thế giới, Chính phủ tiếp tục kiên định, quyết liệt thực hiện mục tiêu kép; dự báo cả năm 2020, chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 3,5-4%, tạo nền tảng vững chắc cho sự phục hồi của ngành sản xuất công nghiệp vào năm 2021; đồng thời giúp tăng trưởng kinh tế quý IV/2020 có thể đạt **3,3%-4,5%** so với cùng kỳ năm trước, và tăng trưởng GDP cả năm 2020 dự báo đạt **2,6-2,8%**.

Trong năm 2021, khi dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn trên phạm vi toàn cầu và Việt Nam, các đối tác kinh tế quan trọng của Việt Nam (như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU và ASEAN...) hồi phục sau dịch bệnh; trong bối cảnh nền tảng tăng trưởng năm 2020 thấp (chỉ khoảng 2,6-2,8%); dự báo chỉ số toàn ngành năm 2021 dự kiến sẽ phục hồi đạt khoảng 8-9%, giúp tăng trưởng kinh tế Việt Nam **năm 2021 có thể đạt 6,5-7%**.



Nguồn: Bộ KHĐT



Nguồn: TCTK.

**Thặng dư thương mại xác lập kỷ lục mới, dù xuất nhập khẩu tháng 11 giảm so với tháng trước**

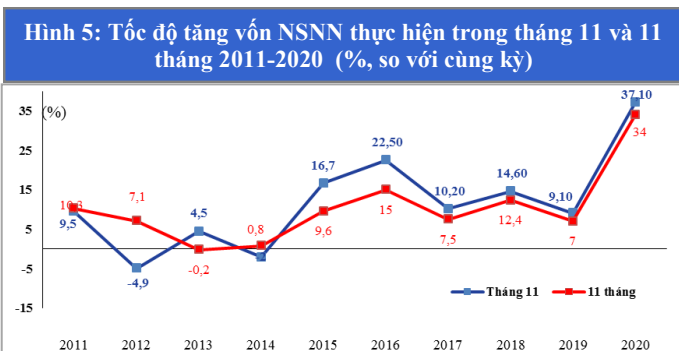
XK tháng 11 đạt 24,8 tỷ USD, giảm 9% so với tháng 10. Mặc dù vậy, lũy kế kim ngạch XK 11 tháng đầu năm ước đạt ở mức 254,6 tỷ USD, tăng **5,3%** so với cùng kỳ. Nhóm mặt hàng chế biến, chế tạo tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu XK (90,1%), đồng thời cũng là nhóm có tốc độ tăng trưởng cao nhất (tăng 5,6%), góp phần cải thiện kim ngạch XK 11 tháng. Các mặt hàng đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng XK 11 tháng là máy vi tính, SPĐT, linh kiện và máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (kim ngạch XK lần lượt là 40,2 tỷ USD và 23,9 tỷ USD) trong khi hàng dệt may; giày dép; điện thoại và linh kiện các loại là các mặt hàng có sự sụt giảm mạnh về kim ngạch XK (giảm lần lượt 10,5%; 9,8% và 3,4%). Các thị trường xuất khẩu chủ lực có mức tăng trưởng tích cực bao gồm

Hoa Kỳ và Trung Quốc (tăng lần lượt 25,7% và 16%) trong khi xuất khẩu sang một số thị trường chủ chốt khác như EU, ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản sụt giảm (giảm lần lượt là 2,4%; 10,6%; 2,7% và 6,5%).

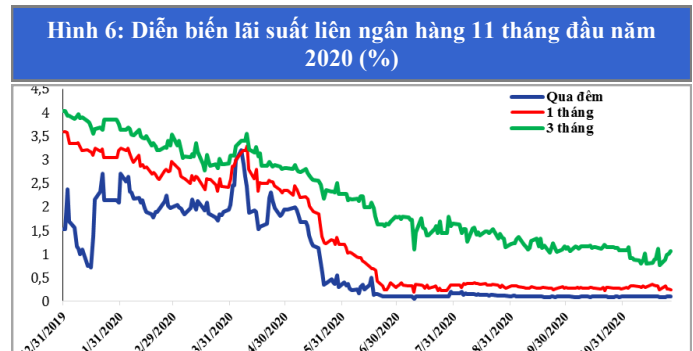
Nhập khẩu tháng 11 cũng giảm nhẹ 0,5% so với tháng 10 song kim ngạch NK lũy kế ước đạt 234,5 tỷ USD, tăng nhẹ 1,5 % so cùng kỳ. Nhu cầu nhập khẩu nguyên phụ liệu cho sản xuất đã tăng trở lại khi nhập khẩu nhóm hàng tư liệu sản xuất 11 tháng ước đạt 218,8 tỷ USD, tăng 1,6% so cùng kỳ năm trước.

Cán cân thương mại (CCTM) hàng hoá tiếp tục lập kỷ lục mới, ở mức **20,1 tỷ USD**, đánh dấu tháng thứ 10 liên tiếp CCTM thặng dư, là một kết quả đáng ghi nhận của hoạt động xuất khẩu Việt Nam trong bối cảnh xuất khẩu của nhiều nước tiếp tục giảm hoặc tăng trưởng chậm lại. Theo thị trường, đáng chú ý, xuất khẩu sang thị trường Mỹ tăng trưởng mạnh ở một số mặt hàng: máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; gỗ và sản phẩm gỗ; và máy vi tính, SPĐT và linh kiện làm cân cân thương mại giữa hai nước tiếp tục nới rộng (ở mức 57,3 tỷ USD so cùng kỳ năm 2019).

**Về triển vọng:** với tốc độ tăng trưởng đến thời điểm hiện tại, dự kiến đến hết năm 2020, kim ngạch XK và NK của Việt Nam dự kiến lần lượt đạt mức 273-275 tỷ USD và 250-252 tỷ USD, CCTM hàng hoá thặng dư khoảng 20 tỷ USD. Năm 2021, mặc dù hoạt động sản xuất của Việt Nam có thể đã hồi phục song do thế giới nhiều khả năng sẽ tiếp tục chịu tác động tiêu cực của đại dịch, nhu cầu đối với sản phẩm, hàng hoá của Việt Nam tiếp tục bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, việc tham gia vào các hiệp định như EVFTA, RCEP... với các đối tác lớn cùng với khả năng kiểm soát dịch bệnh tốt hơn (một phần nhờ Vaccine được đưa vào sử dụng diện rộng) được kỳ vọng sẽ thúc đẩy hoạt động ngoại thương của Việt Nam trong các năm tiếp theo, bù đắp phần nào sự suy giảm do tình hình dịch bệnh. Do đó, kim ngạch xuất khẩu dự kiến chỉ tăng trưởng với tốc độ tương đương năm 2020, ước đạt 280-285 tỷ USD; trong khi nhập khẩu có thể tăng mạnh hơn, ước đạt 263-267 tỷ USD để phục vụ nhu cầu tiêu dùng, cũng như tăng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.



Nguồn: TCTK.



Nguồn: Bloomberg.

**Đầu tư công tiếp tục là điểm sáng**

Vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 11/2020 ước tính đạt 54,5 nghìn tỷ đồng, tăng 37,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương quản lý 11 nghìn tỷ đồng, tăng 51,3%; vốn địa phương quản lý 43,5 nghìn tỷ đồng, tăng 34%.

Tính chung 11 tháng năm 2020, vốn thực hiện đạt 406,8 nghìn tỷ đồng, bằng **79,3%** kế hoạch năm và tăng **34%** so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 bằng 79,2% và tăng 7%). Vốn từ Trung ương vẫn là nguồn thực hiện chủ yếu với kết quả sau 11 tháng đạt 73,1 nghìn tỷ đồng, bằng 79,5% kế hoạch năm và tăng 64,9% so với cùng kỳ năm trước. Vốn thực hiện của các địa phương đạt 333,7 nghìn tỷ đồng, bằng 79,3% và tăng 28,7%.

Kết quả thực hiện nguồn vốn ngân sách tích cực trong thời gian qua là nhờ các bộ, ngành và địa phương tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp, tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình với mục tiêu thực hiện tối đa kế hoạch vốn được giao trong năm 2020. Nhờ đó, sau 11 tháng, tốc độ

tăng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tiếp tục đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2020.

Với những kết quả tích cực này, dự kiến năm 2020, đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước sẽ đạt khoảng từ 460-480 nghìn tỷ đồng (tương đương 90-94% kế hoạch năm).

**Tỷ giá ổn định, lãi suất duy trì ở mức thấp**

**Trong tháng 11**, lãi suất huy động tiếp tục duy trì ở mức thấp. Lãi suất 1 tháng phổ biến ở mức 3,3-3,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,2-6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,8-6,9%/năm. Trên thị trường liên ngân hàng, thanh khoản hệ thống tiếp tục dồi dào khi tăng trưởng tín dụng vẫn phục hồi chậm. Lãi suất bình quân kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 1 tháng tại thời điểm cuối tháng 11 lần lượt là 0,1%/năm, 0,25%/năm và 1%/năm.

Dự kiến lãi suất tiếp tục ổn định ở mức thấp trong tháng cuối năm 2020 nhờ: (i) thanh khoản cho hệ thống tương đối dồi dào khi NHNN tiếp tục chính sách hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD; (ii) nhu cầu tín dụng dù có khả năng phục hồi song mức tăng trưởng tín dụng cả năm sẽ không quá lớn (dự kiến 8-9%). Trong năm 2021, lãi suất sẽ chịu nhiều sức ép tăng khi nhu cầu tín dụng phục hồi, áp lực lạm phát cao hơn, song dự kiến chỉ tăng nhẹ khi NHNN tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt để hỗ trợ phục hồi kinh tế.



Nguồn: TCTK.



Nguồn: Bloomberg.

Tỷ giá USD/VND trong tháng 11 dao động trong biên độ hẹp khi nguồn cung ngoại tệ dồi dào, đồng USD tiếp tục giảm giá (Chỉ số US Dollar Index (DXY) đã giảm 4,77% so với đầu năm). Đến hết ngày **30/11**, tỷ giá liên ngân hàng tăng **0,12%** so với đầu năm trong khi tỷ giá trung tâm không thay đổi so với đầu năm. Đến cuối năm 2020, dự báo tỷ giá tiếp tục xu hướng ổn định với mức tăng khoảng **0-0,2%** so với cuối năm 2019 khi: (i) nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào; (ii) hoạt động xuất nhập khẩu phục hồi khiến nhu cầu ngoại tệ tăng nhẹ; (iii) nguồn kiều hối có thể giảm nhẹ, ước đạt 15,7 tỷ USD (so với 16,7 tỷ USD năm 2019) do ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn sẽ góp phần bổ sung nguồn ngoại tệ.

Trong năm 2021, tỷ giá dự kiến tăng ở mức 1-1,5% so với cuối năm trước do: (i) hoạt động kinh tế phục hồi khiến nhu cầu thanh toán, vay ngoại tệ bằng đồng USD tăng lên; (ii) triển vọng kinh tế Mỹ tăng trưởng sau dịch bệnh, giúp đồng USD tăng giá.

**TTCK tiếp tục phục hồi, vượt mức 1.000 điểm trong tháng 11**

Đến hết ngày 30/11, VNIndex đạt 1.003,08 điểm, tăng **+8,39%** so với cuối tháng 10 và **+4,38%** so với đầu năm trong bối cảnh thị trường chứng khoán toàn cầu phục hồi và trong nước kiểm soát tốt dịch bệnh, giúp hoạt động của các doanh nghiệp từng bước phục hồi. Giao dịch của khối ngoại là điểm trừ khi nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) tiếp tục bán ròng tháng thứ 2 liên tiếp, với giá trị bán ròng trong tháng 11 và 11 tháng đầu năm lần lượt là 3,3 nghìn tỷ đồng và 14,1 nghìn tỷ đồng (khoảng 610 triệu USD). Tuy nhiên, đây là mức thấp so với hầu hết các nước trong khu vực như Thái Lan (-8,2 tỷ USD), Phillipines (-2,3 tỷ USD), Indonesia (-2,6 tỷ USD), Hàn Quốc (-17,2 tỷ USD).

**Hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả tích cực**

Nếu Việt Nam tiếp tục kiểm soát được dịch bệnh, môi trường đầu tư, kinh doanh Việt Nam tiếp tục được cải thiện; tình hình sản xuất vaccine tại các nước khả quan, dịch bệnh được kiểm soát tốt trên phạm vi toàn thế giới, các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp phục hồi, dự báo chỉ số VNIndex có thể sẽ đạt mức trên 1.000 điểm vào cuối năm 2020 và tiếp tục xu hướng tăng trưởng cao hơn trong năm 2021.

Tiếp theo Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực từ tháng 1/2019, Hiệp định EVFTA cũng chính thức có hiệu lực từ 1/8/2020; ngày 15/11/2020, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đã chính thức được ký kết, sẽ có hiệu lực trong vòng 18 tháng tới, đã và đang mang lại nhiều cơ hội xuất khẩu, đầu tư, du lịch, đồng thời là nhân tố quan trọng tiếp tục thúc đẩy quá trình cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới.

Ngoài ra, đối với hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, trong năm 2020, Việt Nam đã thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA 41 và Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc; đồng thời đẩy mạnh quan hệ đối ngoại với các nước, nhất là tăng cường hợp tác trong phòng chống dịch, nâng cao hình ảnh về Việt Nam; góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước.

**Lạm phát tiếp tục được kiểm soát tốt**

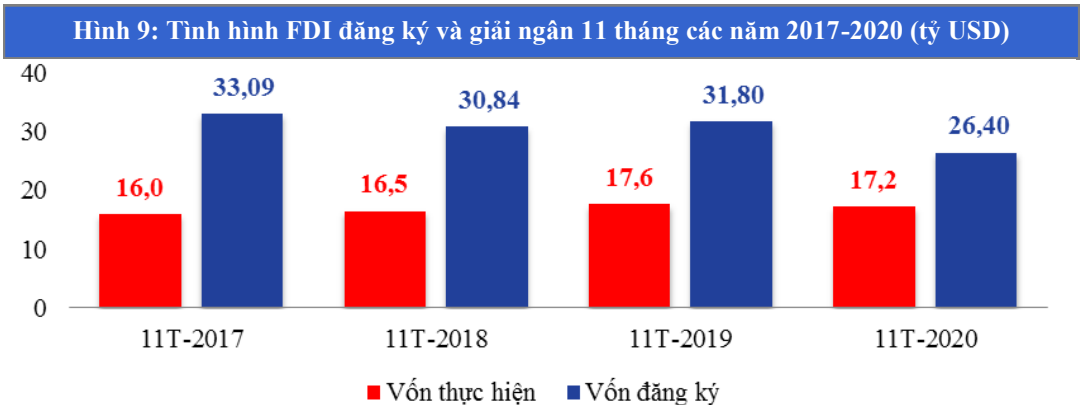
Chỉ số CPI tháng 11 giảm nhẹ 0,01% so với tháng trước. Giá xăng dầu giảm theo giá nhiên liệu thế giới, giá điện nước sinh hoạt giảm là những yếu tố chính góp phần giảm chỉ số CPI chung. Giảm mạnh nhất là 3 nhóm hàng hóa, nhóm giao thông giảm 0,47%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,17%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,06%; nhóm giáo dục ổn định sau hai tháng tăng mạnh. Tuy nhiên, nhóm hàng hóa thiết yếu tăng trở lại phản ánh những ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt và sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng mang tính mùa vụ cuối năm, tăng cao nhất là 3 nhóm may mặc, mũ nón và giày dép - tăng 0,14%; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,07%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,05%.

Lũy kế 11 tháng, CPI bình quân và lạm phát cơ bản bình quân tiếp tục xu hướng giảm dần khi CPI bình quân 11T/2020 tăng **3,51%** so với cùng kỳ năm 2019 (thấp hơn mức tăng +3,71% của 10 tháng); lạm phát cơ bản bình quân 10 tháng tăng **2,43%** so với cùng kỳ năm trước (thấp hơn mức tăng +2,52% của 10 tháng). Mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2020 khả thi (dự báo sẽ chỉ tăng khoảng **3,4-3,5%**, thấp hơn dự báo trước đó).

## 2. Bốn (4) thách thức

Mặc dù hoạt động kinh tế trong nước đã cho thấy sự phục hồi tích cực khi dịch bệnh được kiểm soát, tuy nhiên vẫn còn **4 thách thức lớn**, cụ thể như sau :

**Thu hút vốn FDI dù có cải thiện song vẫn giảm khá mạnh so với năm trước**



Nguồn: Bộ KHĐT.

Lũy kế đến hết ngày 20/11, vốn FDI đăng ký vào Việt Nam ước đạt **26,4 tỷ USD**, giảm **16,9%** so cùng kỳ năm 2019, mức giảm mạnh nhất vẫn thuộc về vốn góp và mua cổ phần (giảm 41,8%). Mặc dù vậy, thu hút FDI đăng ký vào Việt Nam trong tháng 11 tiếp tục có sự cải thiện so với tháng trước đó (ước đạt 2,9 tỷ



*Nhu cầu gia tăng hỗ trợ sẽ tăng gánh nặng cho ngân sách*

USD, tăng 28% so với tháng 10). Trong khi đó, khảo sát của Eurocham cũng ghi nhận chỉ số Môi trường Kinh doanh Việt Nam quý 3 đạt mức cao nhất kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu, góp phần khẳng định cảm nhận tích cực của các nhà đầu tư về môi trường đầu tư - kinh doanh tại Việt Nam. Tình hình giải ngân vốn FDI trong tháng gần cuối năm có dấu hiệu chững lại, theo đó, lũy kế 11 tháng, vốn thực hiện ước đạt **17,2 tỷ USD, giảm 2,3%** so với cùng kỳ năm trước; theo tháng, vốn FDI thực hiện tháng 11 cũng chỉ đạt khoảng 1,4 tỷ USD, giảm 30% so với tháng 10.

Tình hình thu hút vốn FDI trong năm 2021 dự báo sẽ khả quan hơn bởi khả năng kiểm soát tốt dịch bệnh của Việt Nam và triển vọng hội nhập kinh tế quốc tế. Cụ thể, nhiều hiệp định thương mại tự do với các khu vực và đối tác chiến lược (như EVFTA, RCEP) dự kiến sẽ là cơ hội để Việt Nam thu hút thêm nhiều dự án và các nhà đầu tư từ các châu lục khác đầu tư vào nhiều lĩnh vực, cùng với xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng tiếp tục diễn ra. Trên cơ sở đó, dự báo năm 2021, Việt Nam sẽ thu hút được 37-38,5 tỷ USD vốn đăng ký và giải ngân được khoảng 21-22 tỷ USD.

Tổng thu NSNN 11T/2020 giảm **8,8%** so với cùng kỳ 2019; chi NSNN 11T/2020 tăng **9,3%** so với cùng kỳ 2019; thâm hụt NSNN/GDP hết 11T/2020 ở mức **4,2% GDP** (tính trên nền quy mô GDP 9T/2020). Thu nội địa giảm 4,7% là mức giảm thấp nhất kể từ đầu năm, song thu từ dầu thô và thu từ XNK vẫn giảm khá mạnh (lần lượt giảm 38,3% và 21,1% so với cùng kỳ 2019), cho thấy nhu cầu triển khai hỗ trợ lần 2 vẫn rất cần thiết để giúp doanh nghiệp và nền kinh tế khôi phục nhanh hơn.

Tính đến triển khai gói hỗ trợ tài khóa lần 2, dự báo chi thường xuyên/tổng chi NSNN sẽ tăng lên trong giai đoạn 2020-2021 (có thể ở mức 70-71%), tuy nhiên, chi đầu tư phát triển cũng sẽ tiếp tục tăng nhờ hiệu quả của gói hỗ trợ tài khóa và gia tăng giải ngân đầu tư công, góp phần cải thiện cơ cấu chi theo hướng bền vững hơn. Mức thâm hụt NSNN/GDP ước tính cả năm 2020 khoảng **4,5% GDP**, là mức cao so với các năm trong giai đoạn 2016-2019, tuy nhiên vẫn thấp hơn nhiều mức bình quân của giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2010 (5,7%).

*Hoạt động doanh nghiệp dù khởi sắc song còn gặp nhiều khó khăn*

Trong bối cảnh thâm hụt tài khóa và nợ công toàn cầu tiếp tục ở mức cao trong giai đoạn 2021-2025 (theo IMF, tháng 10/2020) để tiếp tục phòng chống dịch, phục hồi kinh tế và trang trải các khoản vay cũ; dự báo thâm hụt NSNN và nợ công Việt Nam sẽ vẫn duy trì mức cao trong năm 2021 lần lượt ở mức 4%GDP và 48-50%GDP (sau khi đánh giá lại). Tuy nhiên, đây là mức thâm hụt có thể chấp nhận được trong bối cảnh dịch bệnh (so sánh với mức thâm hụt khoảng 8-10%GDP tại các nước đang phát triển và mức nợ công tăng cao tại hầu hết các nước), song sẽ được kiểm soát theo hướng giảm dần. Cùng với đó, cơ cấu thu chi NSNN sẽ theo hướng bền vững hơn, đảm bảo kỷ luật, an toàn tài khóa qua việc đa dạng hóa nguồn thu và cơ cấu lại ngân sách.

*Tín dụng tăng trưởng ở mức thấp (chủ yếu do cầu yếu), nợ xấu có xu hướng tăng*

Trong 11 tháng năm 2020, tình hình hoạt động của DN gặp rất nhiều khó khăn mặc dù ghi nhận sự khởi sắc trong tháng 11. Số DN đăng ký thành lập mới trong tháng 11 tăng 7,3% so với tháng trước, nhưng lũy kế 11 tháng vẫn **giảm 1,9%** so với cùng kỳ 2019. Số DN quay trở lại hoạt động tiếp tục tăng trong tháng 11 (+5,4% so với tháng trước) và lũy kế 11 tháng tăng 10,7% so với cùng kỳ 2019 - là mức thấp trong 11 tháng đầu năm giai đoạn 2016-2020 (chỉ cao hơn năm 2017). Số DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong tháng 11 giảm 15,9% so với tháng trước, nhưng lũy kế 11 tháng vẫn tăng **59,7%** so với cùng kỳ năm trước - là mức cao nhất trong 11 tháng đầu năm giai đoạn 2016-2020. Điều đó cho thấy dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến tình hình hoạt động của các DN.

Trong năm 2021, dự báo Chính phủ tiếp tục duy trì các chính sách, gói hỗ trợ nhằm tạo điều kiện người dân, doanh nghiệp, vượt qua khó khăn do dịch bệnh;

đồng thời các doanh nghiệp sẽ thích ứng tốt hơn trong bối cảnh bình thường mới; và nhu cầu nội địa và nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam sẽ tăng trở lại; dự báo hoạt động của các doanh nghiệp sẽ khởi sắc hơn.

Tính đến ngày 20/11, tăng trưởng tín dụng đạt **7,4%** so với đầu năm, thấp hơn mức 11% của 11 tháng năm 2019 (trong đó tín dụng VND tăng 7,76%, tín dụng ngoại tệ giảm 0,69%) khi sức cầu còn yếu và khả năng đáp ứng điều kiện tín dụng của 1 số khách hàng khó khăn hơn do năng lực tài chính giảm sút. Hiện tại nợ xấu nội bảng tại các TCTD vẫn được kiểm soát (ở mức 1,96% tại thời điểm cuối tháng 8/2020) nhờ việc NHNN cho phép giãn, hoãn nợ mà không chuyển nhóm nợ để có thể cho vay mới phục vụ SX-KD...(theo tinh thần Thông tư 01 ngày 13/3/2020), song việc xử lý nợ xấu trong thời gian tới phụ thuộc rất lớn vào đà phục hồi của nền kinh tế, điều kiện sửa đổi Thông tư 01 (NHNN) và nỗ lực của từng TCTD. Đến ngày 9/11, các TCTD đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 272.183 khách hàng với dư nợ 341.855 tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho 552.725 khách hàng với dư nợ 931.018 tỷ đồng; cho vay mới lãi suất ưu đãi với doanh số lũy kế từ 23/1 đến 9/11 đạt 2.017.761 tỷ đồng cho 356.385 khách hàng (theo NHNN).

Dự báo nợ xấu nội bảng tại các TCTD sẽ tăng lên mức 3% hết năm 2020 và khoảng 3,5-4% năm 2021, do hai nguyên nhân chủ yếu: (i) độ trễ tác động của dịch bệnh đến các khách hàng của TCTD; và (ii) do các khoản nợ đang tái cơ cấu theo Thông tư 01 vẫn được giữ nguyên nhóm nợ mà chưa phải chuyển nhóm; nên khi Thông tư 01 hết hiệu lực (hoặc còn hiệu lực nhưng phải trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ), các TCTD phải chuyển nhóm nợ thì nợ xấu sẽ tăng cao hơn nữa và lợi nhuận của các TCTD giảm mạnh. Vì vậy, NHNN và Bộ Tài chính cần xem xét, tính toán lại thời điểm hết hiệu lực của Thông tư 01 và trích lập dự phòng rủi ro phù hợp để không tạo cú sốc cho nợ xấu tăng nhanh, lợi nhuận giảm mạnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng lực tài chính, từ đó ảnh hưởng đến khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế của các TCTD trong 1-2 năm tới.

## VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

773 Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.932.3891

Email: phongncktdtnc@bidv.com.vn



CHUYÊN GIA KINH TẾ TRƯỞNG BIDV  
TS. Cấn Văn Lực



Phó giám đốc: Nguyễn Thị Minh Thu  
Email: thunm@bidv.com.vn



Ông Nguyễn Hải Bình - Phòng nghiên cứu kinh tế  
Email: binhnh@bidv.com.vn

## LƯU Ý SỬ DỤNG THÔNG TIN

Đây là Báo cáo của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV. Báo cáo này mang tính độc lập, thể hiện quan điểm của các thành viên trong Viện, không phải là quan điểm chính thức của BIDV, được cung cấp để Ban lãnh đạo BIDV và một số lãnh đạo, tổ chức bên ngoài tham khảo, trao đổi; qua đó nhận định đánh giá để đưa ra quyết sách phù hợp. Báo cáo này chỉ để tham khảo và không nhằm mục đích tư vấn tài chính hoặc tư vấn đầu tư. Bất kỳ nhận định nào trong Báo cáo này cũng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV không có nghĩa vụ và không chịu trách nhiệm đối với những tổn thất hay thiệt hại xảy ra cho bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào do việc sử dụng những thông tin và nhận định trong Báo cáo này.